

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST.
Ngày: 21/06/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê L.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị D.

Ông Phan Thanh L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức A – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HS, ngày 09 tháng 05 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 06 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ TUẤN A**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14/10/1993, tại: A, B; nơi cư trú: khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C, sinh năm: không rõ và bà: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Ngày 15/04/2022 bị Công an huyện A xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản, với số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 22/4/2022 Lê Tuấn A đã nộp xong tiền phạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị khởi tố ngày 06/02/2023 và được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn T, huyện A, tỉnh B. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người bị hại: Ông Lê Văn T, sinh ngày: 1975.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh B. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tuấn A và Lê Văn T (sinh năm 1975), ở khu phố C, thị trấn T, huyện A, có nhà ở gần nhau (Mẹ của bị cáo là chị ruột vợ anh T); bên cạnh hai nhà có một khoảng đất trống của HTXNN T, nên hai bên đã tận dụng khoảng đất trống này để sử dụng. Trong đó Lê Tuấn A giành 1 phần làm đường đi vào nhà; Lê Văn T giành 1 phần để đặt cây cảnh, đổ phế liệu. Nơi để cây, chậu cảnh, phế liệu của T gần bên đường đi vào nhà Lê Tuấn A, làm ảnh hưởng đến việc đi, lại của gia đình Tuấn A; Tuấn A nhiều lần dọn dẹp và xảy ra mâu thuẫn với T về việc để phế liệu và cây cảnh trên khoảng đất trống này, nhưng cả hai không thống nhất cách sử dụng chung được với nhau. Từ mâu thuẫn trên, hai bên đã gửi đơn phản ánh đến UBND thị trấn T nhưng chưa được giải quyết. Tháng 4/2022 Lê Tuấn A đã đập phá một số chậu cây cảnh của anh T và bị Công an huyện A xử phạt hành chính.

Xuất phát từ mâu thuẫn về sự việc trên nên khoảng 22h 35 phút ngày 05/11/2022 và 17h30 ngày 06/11/2022, Lê Tuấn A đến khu vực T để cây cảnh, dùng tay lay, nhổ, bẻ cành một số cây cảnh và hất đổ làm bể một số chậu trồng cây cảnh. Cụ thể:

Theo kết quả kiểm tra, khám nghiệm hiện trường ngày 06/11/2022, ngày 08/12/2022 và Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A vào ngày 30/12/2022, thì số tài sản của Lê Văn T bị hư hỏng, thiệt hại có giá là:

1. Số chậu cảnh, cây cảnh bị thiệt hại vào ngày 05/11/2022:
 - 01 chậu trồng cây cảnh bằng xi măng hình lục giác, kích thước (cạnh 40cm, cao 45 cm), bị bể vỡ 02 cạnh, có giá: 217.000 đồng;
 - 01 chậu trồng cây cảnh bằng xi măng hình lục giác, kích thước (cạnh 60cm, cao 35 cm), bị bể vỡ hoàn toàn, có giá: 260.000 đồng;
 - 01 chậu trồng cây cảnh bằng men, màu đỏ hình lục giác, kích thước (cạnh 40cm, cao 30 cm), bị bể vỡ hoàn toàn, có giá: 250.000 đồng;
 - 01 chậu trồng cây cảnh bằng men, màu đỏ hình lục giác, kích thước (cạnh 40cm, cao 30 cm), bị bể vỡ thành 02 phần, có giá: 250.000 đồng;
 - 01 cây Bằng Lăng tím dáng bạnh, kích thước (cây cao 70cm x rộng 60cm x dày 30cm, chu vi gốc 165 cm), đã chết, có giá: 3.000.000 đồng;

- 01 cây Bằng Lăng tím dáng bạnh, kích thước (cây cao 90cm tính từ đáy rễ, chu vi gốc 115 cm), đã chết, có giá: 2.900.000 đồng;

- 01 cây Bằng Lăng tím dáng bạnh, kích thước (cây cao 70cm x rộng 65cm x dày 35cm, chu vi gốc 150 cm), đã chết, có giá: 2.600.000 đồng;

- 01 cây Nho ngũ sắc dạng cụm 03 thân, kích thước (cây cao 1,4m, chu vi thân nhỏ nhất 10cm, chu vi thân lớn nhất 12cm, chu vi toàn bộ gốc 50cm, chu vi tán 120cm), đã chết, có giá: 1.980.000 đồng.

Tổng cộng: 11.457.000 đồng

2. Số chậu cảnh, cây cảnh bị thiệt hại vào ngày 06/11/2022:

- 01 chậu trồng cây cảnh bằng xi măng hình lục giác, kích thước (chậu 60cm, cao 32 cm), bị bể vỡ, có giá: 300.000 đồng;

- 01 cây Cúc cảnh dáng hình thú, kích thước (cây cao 130cm, chu vi gốc 80cm), đã chết, có giá: 12.200.000 đồng;

- 01 cây Sộp cảnh dáng siêu (bạc phong), kích thước (cây cao 90 cm, tính từ mặt chậu, tán rộng 280cm, chu vi gốc 300cm), bị bể gãy 04 chi (nhánh) ở ngọn, thân chính (tình trạng cây còn sống tốt, bị gãy chi (nhánh) làm giảm giá trị thẩm mỹ của cây. Do đó, chỉ khảo sát và định giá trị thiệt hại do mất 04 chi), có giá: 4.900.000 đồng.

Tổng cộng: 17.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá tại thời điểm xảy ra vụ án ngày 05/11/2022 và ngày 06/11/2022 theo yêu cầu của Cơ quan CSĐT Công an huyện A, là: 28.857.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng*).

Về vật chứng đã thu giữ:

- 01 đĩa DVD nội dung “Dữ liệu camera Lê Văn T”, chứa 04 video dữ liệu, hình ảnh Lê Tuấn A đập phá tài sản của Lê Văn T lưu vào hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Lê Văn T kê khai, yêu cầu bồi thường thiệt hại (gồm: số cây cảnh bị chết, giảm giá trị; chậu bị bể, vỡ; công trồng, chăm sóc cây...), tổng số tiền là: 43.107.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, bị cáo Lê Tuấn A đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A để khắc phục một phần thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKSPC, ngày 08/05/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Tuấn A về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS để xử phạt bị cáo Lê Tuấn A với mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lê Văn T số tiền 28.857.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền người bị hại thuê thợ làm vườn chăm sóc cây. Tổng cộng: 31.857.000 đồng.

* Trong phần tự bào chữa, bị cáo Lê Tuấn A đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Bị cáo Lê Tuấn A cho rằng Lê Văn T đã để cây cảnh, phế liệu làm vướng lối đi vào nhà của mình và gây ô nhiễm ảnh hưởng đến vệ sinh chung, nên dẫn đến

mâu thuẫn, xích mích giữa anh T và Lê Tuấn A. Tuy đã gửi đơn phản ánh đến UBND thị trấn T nhưng chưa được chính quyền địa phương giải quyết, do đó tháng 4/2022 Lê Tuấn A đã đập phá một số chậu cây cảnh của anh T và bị Công an huyện A xử phạt vi phạm hành chính. Không ai chịu nhường nhịn ai nên khoảng 22h 35 phút ngày 05/11/2022 và 17h 30 phút ngày 06/11/2022, bị cáo Lê Tuấn A đến khu vực T để cây cảnh tại khu phố C, thị trấn T, huyện A, dùng tay lay, nhổ, bẻ cành một số cây cảnh và hất đổ làm bể một số chậu trồng cây cảnh của anh Lê Văn T, gây thiệt hại về tài sản của Lê Văn T với tổng trị giá là 28.857.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Lê Tuấn A, là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý làm thiệt hại về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo và hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử nhận thấy: Lẽ ra cần cần phải xử lý bị cáo về hành vi hủy hoại tài sản do một số cây cảnh có giá trị lớn đã bị chết, một số chậu trồng cây cảnh bị vỡ không sử dụng được. Tuy nhiên, xét thấy phần lớn các cây cảnh đã được trồng sống lại, chỉ bị thiệt hại về giá trị thẩm mỹ. Đồng thời động cơ, mục đích của bị cáo đập phá vì không muốn cho anh T để cây cảnh phía trước làm ảnh hưởng lối đi, không nhằm mục đích hủy hoại tài sản của anh T, nên HĐXX xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4]. Xét thấy, bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, cũng tự nguyện nộp tiền bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả. Đó là những tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, do đó HĐXX cũng cân nhắc khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội trong thời hạn chưa hết thời hạn xử phạt hành chính, điều đó thể hiện tính xem thường pháp luật do đó bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc.

Xét thấy điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình để nuôi mẹ thường xuyên đau bệnh; giữa bị cáo và gia đình người bị hại có mối quan hệ ruột thịt. Mặt khác, bên phía bị hại cũng có một phần lỗi, tự ý sử dụng phần đất do nhà nước quản lý để đặt nhiều chậu cây cảnh và đổ phế liệu gây ảnh hưởng vệ sinh chung, gia đình bị cáo cũng gửi đơn phản ánh đến chính

quyền địa phương nhưng anh T chưa kịp điều chỉnh nên cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến vụ án. Do đó, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để xét xử bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hai gia đình ở gần nhau và có mối quan hệ bà con ruột thịt nên HĐXX xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo đồng thời tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm gia đình, ổn định tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 43.107.000 đồng. Trong đó số tiền định giá tài sản bị thiệt hại là 28.857.000 đồng và số tiền chi phí thuê để phục hồi chăm sóc trồng lại cây cảnh là 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, người bị hại không có chứng từ gì để chứng minh số tiền thuê nói trên. Do đó, HĐXX chỉ chấp nhận và buộc bị cáo phải bồi thường theo kết quả định giá tài sản là 28.857.000 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 để khắc phục một phần hậu quả nên được khấu trừ, phần còn lại 18.857.000 đồng buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 592 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Tuấn A phải bồi thường cho người bị hại Lê Văn T số tiền 28.857.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tại biên lai thu số 0005486 ngày 13/6/2023 để khắc phục một phần hậu quả, còn lại 18.857.000 đồng buộc bị cáo tiếp tục bồi thường.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Không.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và 942.850 đồng án phí DSST sung vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L

